

LỢI THẾ SO SÁNH CỦA CÁC NGÀNH HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

● LÊ THỊ THU GIANG - NGUYỄN THỊ QUỲNH TRÂM

TÓM TẮT:

Bài viết xác định một số ngành sản xuất của Việt Nam có lợi thế xuất khẩu (cụ thể là lợi thế so sánh) dựa vào việc tính toán các chỉ số đo lường lợi thế so sánh RCA (Revealed comparative advantage) và RSCA (Revealed symmetric comparative advantage) trong giai đoạn 2015 - 2020, theo mã hệ số trong hệ thống hài hòa thuế quan 2020 (gồm các mã 2 chữ số) dựa trên cơ sở dữ liệu của UN Comtrade.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các ngành có lợi thế xuất khẩu không chỉ có các nhóm ngành mang thế mạnh truyền thống về may mặc, giày dép và thực phẩm mà còn có sự tham gia của nhóm ngành máy điện và các thiết bị điện tử. Nghiên cứu cũng cho thấy mặc dù các chỉ số có xu hướng giảm vào năm 2020 ở đa số các ngành, vẫn có những ngành có lợi thế so sánh tăng lên rõ rệt từ mức trung bình lên mức cao, như ngành HS 11 và HS 61. Điều này có thể lý giải do đại dịch Covid-19 làm thay đổi khá lớn lợi thế so sánh của nền kinh tế trong ngắn hạn. Nhóm tác giả cũng đưa ra một số khuyến nghị về sự dịch chuyển, thay đổi và các kế hoạch sản xuất phù hợp trong giai đoạn đại dịch và sau đại dịch cho các ngành khác nhau.

Từ khóa: lợi thế so sánh, chỉ số lợi thế so sánh RCA, chỉ số lợi thế so sánh đối xứng bậc độ RSCA, RCA Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Ý tưởng đánh giá hàng hóa có lợi thế so sánh xuất khẩu của một quốc gia thông qua phân tích kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đã được Liesner (1958) đưa ra. Tiếp đó, David Ricardo (1722-1823) đã hoàn thiện các đánh giá này dựa vào việc đưa ra lý thuyết lợi thế so sánh. Khái niệm lợi thế so sánh (Comparative Advantage) chỉ khả năng một quốc gia có thể sản xuất sản phẩm với

chi phí cơ hội thấp hơn so với quốc gia khác. Lý thuyết lợi thế so sánh cho rằng động lực thúc đẩy thương mại quốc tế không phải là lợi thế tuyệt đối mà là lợi thế so sánh. Ngay cả khi một quốc gia có lợi thế tuyệt đối trong tất cả các hàng hóa (nghĩa là nó có thể sản xuất tất cả hàng hóa hiệu quả hơn các quốc gia khác), thì vẫn có thể hưởng lợi từ thương mại quốc tế thông qua việc chuyên môn hóa sản xuất hàng hóa có lợi thế so sánh. Chỉ số

RCA và RSCA được đưa ra để đánh giá lợi thế hoặc bất lợi tương đối với các ngành sản phẩm nào đó của một quốc gia thông qua việc so sánh tỷ trọng xuất khẩu của sản phẩm này trong tổng kim ngạch xuất khẩu của một quốc gia với tỷ trọng xuất khẩu của sản phẩm này trong tổng kim ngạch xuất khẩu của thế giới.

Hội nhập kinh tế quốc tế và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế là xu hướng và nhiệm vụ tất yếu của Việt Nam để đưa kinh tế phát triển đặc biệt khi một loạt các hiệp định thương mại tự do được ký kết. Xuất khẩu của Việt Nam có tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn 2015 - 2020 (Bảng 1) và cơ cấu hàng hóa cũng có sự thay đổi giữa các ngành sản phẩm công nghệ cao bên cạnh các sản phẩm xuất khẩu truyền thống (Bảng 2). Vì vậy, việc đánh giá lợi thế so sánh của các ngành hay hàng hóa của Việt Nam thực sự có ý nghĩa và cần

Bảng 1. Kim ngạch xuất khẩu và tăng trưởng xuất khẩu Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020

Năm	Kim ngạch xuất khẩu (Tỷ USD)	Tăng trưởng hàng năm (%)
2015	162,017	7,9
2016	176,581	9,0
2017	215,119	21,82
2018	243,699	13,29
2019	264,610	8,58
2020	281,441	6,36

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ dữ liệu của Comtrade

thiết cho định hướng chính sách thương mại của Chính phủ, cũng như chiến lược phát triển của các doanh nghiệp.

Bảng 2. Kim ngạch và tỷ trọng xuất khẩu một số ngành sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam giai đoạn 2015 - 2020

STT	Mã HS	Ngành sản phẩm	Kim ngạch xuất khẩu (Tỷ USD)	Tỷ trọng (%)
1	85	Máy điện và thiết bị điện tử và các bộ phận của chúng	79,128	35,34
2	64	Giày, dép, dệt và các sản phẩm tương tự, các bộ phận của sản phẩm trên	15,698	7,01
3	62	Quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc	12,96	5,79
4	61	Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc	12,68	5,61
5	84	Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí: các bộ phận của chúng	12,36	5,52
6	03	Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và thủy sinh không xương sống khác	5,76	2,57
7	09	Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị	5,68	2,54
8	90	Dụng cụ, thiết bị quang học, nhiếp ảnh, đo lường, y tế: các bộ phận và phụ kiện	5,31	2,37
9	11	Các sản phẩm xay xát: malt, tinh bột, inulin, gluten lúa mì	0,922	0,41
10	46	Sản phẩm làm từ các loại vật liệu tết bện, đan lát	0,236	0,11
		Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam	223,911	100

Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả từ dữ liệu của Comtrade

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Các chỉ số đo lường lợi thế so sánh

• **Chỉ số lợi thế so sánh bộc lộ (RCA - Revealed comparative advantage)**

Chỉ số lợi thế so sánh bộc lộ (RCA) được định nghĩa là tỉ lệ giữa tỷ trọng xuất khẩu của một quốc gia đối một loại hàng hóa cụ thể so với tỷ trọng của nó trong tổng xuất khẩu hàng hóa của thế giới (hoặc quốc gia khác):

$$RCA_{ij} = \frac{X_{ij}/X_i}{X_{wj}/X_w}$$

Trong đó:

X_{ij} là kim ngạch xuất khẩu hàng hóa j của quốc gia i ; X_i là tổng kim ngạch xuất khẩu của quốc gia i ; X_{wj} là kim ngạch xuất khẩu sản phẩm j toàn cầu; X_w là tổng kim ngạch xuất khẩu toàn cầu.

RCA_{ij} là chỉ số lợi thế so sánh bộc lộ của quốc gia i trong xuất khẩu sản phẩm j . Giá trị của chỉ số thay đổi trong khoảng $(0, +\infty)$. Giá trị của RCA gần với 0 cho thấy quốc gia không có xuất khẩu trong ngành được xem xét. Nếu $RCA_{ij} > 1$ thì nước i được coi là có lợi thế so sánh đối với sản phẩm j , hệ số này càng lớn chứng tỏ lợi thế so sánh càng cao, ngược lại nếu $RCA_{ij} < 1$ thì nước i không có lợi thế so sánh về xuất khẩu sản phẩm j .

• **Chỉ số lợi thế so sánh đối xứng bộc lộ (RSCA)**

Chỉ số RSCA được xác định theo công thức sau:

$$RCA = \frac{(RCA - 1)}{(RCA + 1)}$$

Giá trị của RSCA nằm trong đoạn $[-1; 1]$, chỉ số này lớn hơn 0 cho thấy nước đó có lợi thế so

sánh xuất khẩu, ngược lại, nếu chỉ số đó nhỏ hơn 0 thì nước không có lợi thế xuất khẩu.

2.2. Phân loại mức độ lợi thế so sánh dựa vào chỉ số RCA và RSCA

Dựa vào lý thuyết về lợi thế so sánh, một ngành sản phẩm được đánh giá là có lợi thế xuất khẩu hay không được cho dưới Bảng 3.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu xuất nhập khẩu của Việt Nam và Thế giới trong giai đoạn 2010 - 2020. Dữ liệu được thu thập từ trang điện tử của Cơ quan Thống kê Liên hiệp quốc <https://comtrade.un.org/data>. Các chỉ số được tính theo từng năm trong giai đoạn 2015 - 2020. Nhóm tác giả đã sử dụng các phần mềm EXCEL, EVIEW để tính các chỉ số RCA và RSCA.

3.2. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm

Do dịch Covid-19 tác động mạnh tới nền kinh tế Việt Nam vào năm 2020, nên các chỉ số được tính cho 2 giai đoạn: giá trị trung bình RCA và RSCA của các năm từ 2015 - 2019 và tính riêng các chỉ số này cho năm 2020. Từ các dữ liệu thu thập được qua trang Comtrade.un.org, các tác giả đã tính toán kết quả về lợi thế so sánh của từng nhóm ngành trong Bảng 4.

3.3. Một số phân tích đánh giá từ kết quả thực nghiệm

Từ các kết quả thu được ở trên, ta thấy trong số các mã ngành được nghiên cứu trong bài báo này, 4 mã ngành sản phẩm gồm cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị (HS09), giày, dép, dệt và các sản phẩm tương tự, các bộ phận của sản

Bảng 3. Phân loại mức độ lợi thế so sánh thông qua chỉ số RCA và RSCA

RCA	RSCA	Ngành sản phẩm	Ghi chú
(0,1]	(-1, 0]	Không có lợi thế so sánh	RCA hoặc RSCA
(1,2]	(0,0.33]	Lợi thế so sánh yếu	RCA hoặc RSCA
(2,4]	(0.33-0.6]	Lợi thế so sánh trung bình	RCA hoặc RSCA
(4, +∞)	(0.6-1]	Lợi thế so sánh cao	RCA hoặc RSCA

Nguồn: Saw Yan Naing, Masyhuri, Dwidjono (2021)

Bảng 4. Chỉ số RAC, RSCA, kim ngạch xuất khẩu Việt Nam trong giai đoạn 2015 - 2019 và năm 2020

Mã HS	2015 - 2019				2020			
	RCA	RSCA	Kim ngạch (Tỷ USD)	Tỷ trọng (%)	RCA	RSCA	Kim ngạch (Tỷ USD)	Tỷ trọng (%)
09	10,19	0,80	6,19	2,91	3,85	0,59	2,54	1,12
64	9,51	0,81	15,39	7,24	8,78	0,8	17,25	6,13
46	7,64	0,78	0,22	0,10	6,64	0,77	0,30	0,11
11	4,05	0,60	0,91	0,43	6,50	0,73	0,99	0,35
61	3,87	0,55	12,34	5,81	4,42	0,63	13,7	4,87
62	2,55	0,44	12,89	6,07	2,16	0,37	13,33	4,74
85	2,32	0,40	72,73	34,24	2,43	0,42	111,10	39,47
03	2,11	0,35	5,76	7,70	1,60	0,23	5,77	2,05
90	0,42	-0,45	5,55	2,66	0,18	-0,70	3,56	1,26
84	0,27	-0,59	11,15	5,25	0,26	-0,59	18,42	6,54

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả từ dữ liệu của Comtrade

phẩm trên (HS64), sản phẩm làm từ các loại vật liệu tết bện, đan lát (HS46), và Các sản phẩm xay xát: malt, tinh bột, inulin, gluten lúa mì (HS11) là các ngành sản phẩm có lợi thế so sánh cao với chỉ số lợi thế so sánh lớn hơn 4. Đây chủ yếu là các ngành nông sản và các ngành sản xuất sản phẩm liên quan tới may mặc, giày dép. Các ngành này ở Việt Nam luôn có ưu thế lớn do tận dụng được nguồn tài nguyên phong phú và nguồn lao động phổ thông, giá rẻ từ các khu vực nông thôn và ngoại thành.

Quần áo và hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc (HS61), quần áo và các hàng may mặc phụ trợ, không dệt kim hoặc móc (HS62), máy điện và thiết bị điện tử và các bộ phận của chúng (HS85), cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và thủy sinh không xương sống khác (HS03) là các ngành có chỉ số lợi thế so sánh nằm ở mức trung bình, trong khoảng từ 2 đến 4. Ngoài các ngành cũng nằm trong nhóm nông sản và may

mặc, có thể thấy mã ngành máy điện và thiết bị điện tử và các bộ phận của chúng (HS85) có kim ngạch xuất khẩu cao nhất chiếm đến 34% tỷ trọng xuất khẩu.

Ngành HS85 là ngành còn rất nhiều tiềm năng để phát triển, đặc biệt trong giai đoạn cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ. Đây cũng có thể được coi là nhóm ngành mà Việt Nam ưu tiên đẩy mạnh hơn nữa trong tương lai để phát huy lợi thế sẵn có. Hai mã ngành sản phẩm là dụng cụ, thiết bị quang học, nhiếp ảnh, đo lường, y tế: các bộ phận và phụ kiện (HS90) và lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy và thiết bị cơ khí: các bộ phận của chúng (HS84) không có lợi thế so sánh mặc dù kim ngạch xuất khẩu có tỷ trọng cao. Ngược lại, có một số ngành có tỷ trọng rất thấp chiếm chưa đến 1% (như HS46, HS11) nhưng lại có lợi thế so sánh cao.

Lợi thế so sánh của các mã ngành có xu hướng tăng giảm khác nhau giữa giai đoạn 2015 - 2019

và năm 2020 - năm bị ảnh hưởng nhiều bởi Đại dịch Covid-19. Các mã ngành có xu hướng tăng là HS11, HS61 và S85, trong đó tăng cao nhất là mã ngành sản phẩm HS11. Mã ngành HS61 cũng tăng từ mã có lợi thế so sánh trung bình lên mã ngành sản phẩm có lợi thế so sánh cao. Điều này cho thấy do thời điểm ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, người tiêu dùng có xu hướng chi tiêu tiết kiệm hơn. Các mặt hàng thiết yếu như lương thực (HS11) hoặc các thiết bị công nghệ phục vụ cho học tập và làm việc online là ưu tiên của người tiêu dùng trong giai đoạn từ cuối năm 2019 - 2020.

Mã ngành có chỉ số RCA giảm mạnh là HS09 (cà phê, chè, hè Paragoay và các loại gia vị) giảm từ 10,19 (lợi thế so sánh ở mức độ cao) xuống còn 3,85 (lợi thế so sánh ở mức trung bình). Các mã ngành HS64, HS46, HS62, HS03, HS90, HS84 có xu hướng giảm nhẹ. Điều này cho thấy, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 làm thay đổi lợi thế so sánh của các ngành sản phẩm trong ngắn hạn. Tuy nhiên, điều này có thể thay đổi trong giai đoạn sắp tới, khi thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã kiểm soát và thích nghi tốt với dịch Covid 19 do tỷ lệ bao phủ vắc-xin cao, nền kinh tế dần phục hồi và đi vào quỹ đạo ổn định trước đó.

4. Khuyến nghị và giải pháp

Từ kết quả thu được, định hướng phát triển xuất khẩu của Việt Nam cần chú ý đến các ngành có lợi thế so sánh cao đã được xác định trong giai đoạn từ năm 2015 - 2020. Sự nổi trội của ngành lương thực, dệt may và sự tăng trưởng ấn tượng của ngành điện tử máy móc cho thấy, Việt Nam cần chú trọng phát triển hiệu quả các nhóm ngành này, tiến tới giảm nhập khẩu và mở rộng xuất khẩu, tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

Đối với các nhóm ngành có thế mạnh truyền thống như sản xuất lương thực và dệt may, Việt Nam cần kiện toàn các văn bản pháp lý, quy định liên quan đến chính sách thuế, xuất nhập khẩu, hải quan, quyền sở hữu trí tuệ. Nhà nước và các doanh nghiệp cần dành ưu tiên cho việc nghiên cứu, chuyển giao khoa học công nghệ, tăng cường hợp tác với thế giới để đưa các công nghệ

mới, công nghệ sạch vào sản xuất, nâng cao chất lượng và năng suất sản phẩm, đồng thời đầu tư cho cơ sở hạ tầng như mạng lưới giao thông để việc vận chuyển, lưu hành được thuận lợi. Chính phủ cũng cần nâng cao năng lực cán bộ kỹ thuật, quản lý, mở các chương trình đào tạo nghề để người lao động có thể tiếp cận được các công nghệ mới đưa vào áp dụng trong hoạt động sản xuất. Bên cạnh đó, việc xây dựng và phát triển chuỗi cung ứng là vô cùng quan trọng để đảm bảo sự phát triển ổn định của sản phẩm. Các doanh nghiệp cần tích cực mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm nội địa và nước ngoài bằng cách mở rộng các kênh phân phối sản phẩm, ứng dụng thương mại điện tử trong kinh doanh, tăng cường tìm kiếm các đối tác trực tiếp, giảm bớt việc xuất khẩu qua trung gian.

RCA của ngành điện tử máy móc tăng (HS85) và chiếm tỷ trọng xuất khẩu cao nhất. Mặc dù nền kinh tế trong nước chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19, nhưng nhóm hàng này vẫn đạt tốc độ tăng trưởng vững chắc và trở thành một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Không những vậy, sự phát triển của ngành này còn có vai trò quan trọng trong việc ổn định kinh tế vĩ mô, tạo công ăn việc làm và nâng cao thu nhập cho nhiều người lao động, gián tiếp thúc đẩy phát triển nhiều ngành liên quan. Với vai trò ngành công nghiệp trọng yếu, là thước đo trình độ phát triển kinh tế, kỹ thuật của mỗi quốc gia, việc đầu tư phát triển công nghiệp điện tử luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của mọi nền kinh tế. Để phát huy hơn nữa thế mạnh trong ngành này, chính phủ Việt Nam cần đầu tư, xem xét ưu đãi hỗ trợ đối với các doanh nghiệp trong việc nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm các sản phẩm; thực hiện các giải pháp nhằm mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu; tăng cường vai trò, hiệu quả của các cơ quan đại diện thương mại, của các hiệp hội ngành nghề trong xúc tiến thương mại. Đồng thời, các doanh nghiệp cũng cần tận dụng các cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu và thu hút đầu tư, đẩy mạnh việc quảng bá sản phẩm qua các hội chợ, triển lãm kỹ thuật; chú trọng nâng cao công nghệ, ứng dụng các tiến bộ khoa

học trong sản xuất và năng lực chuyên môn của người lao động.

Với các nhóm ngành khác, như HS84, HS90 dù các kết quả về lợi thế chỉ ra chưa cho thấy thế mạnh so sánh trong xuất khẩu, nhưng nhìn vào kim ngạch và tỷ trọng xuất khẩu, số liệu từ Bảng 3 cho thấy, các ngành hàng này cũng có vai trò tương đối quan trọng với thị trường xuất khẩu Việt Nam. Hơn nữa, với sự vận động của thị trường hiện nay, đó vẫn là những mặt hàng có tiềm năng lớn, do đó, chính phủ và các doanh nghiệp cần có chiến lược đầu tư lâu dài để nâng cao lợi thế so sánh cho các nhóm ngành hàng này.

5. Kết luận

Nhìn chung, trong giai đoạn 2015 - 2020 các ngành chế biến sản phẩm nông nghiệp và các

ngành sản xuất các sản phẩm giày dép, dệt may vẫn là những ngành có thế mạnh truyền thống của Việt Nam. Mặc dù ở cuối giai đoạn này, trong năm 2020, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã làm thay đổi rất nhiều tới các chỉ số, nhưng so với mặt bằng chung, các ngành này vẫn thể hiện chỗ đứng quan trọng trong thị trường xuất khẩu của Việt Nam khi chỉ số lợi thế vẫn duy trì ở mức cao và trung bình. Đặc biệt, trong khi chỉ số lợi thế so sánh ở hầu hết các ngành sản phẩm đều có xu hướng giảm, con số này ở các ngành chế biến các sản phẩm xay xát (malt, tinh bột, inulin, gluten lúa mì) và quần áo, các ngành hàng may mặc phụ trợ, dệt kim hoặc móc dệt lại tăng lên rõ rệt. Đồng thời, các ngành về công nghệ như sản xuất máy điện, thiết bị điện tử và các bộ phận khác cũng có chỉ số lợi thế so sánh tăng lên ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Balassa, B. (1965). Trade liberalisation and “revealed” comparative advantage. *The Manchester School*, 33(2), 99-123. DOI 10.1111/j.1467-9957.
2. Hart, P. E. and Prais, S. J. (1956). The analysis of business concentration: a statistical approach. *Journal of the Royal Statistical Society*, 119(2), 150-191. DOI 10.2307/2342882.
3. Hinloopen, J. (2001). On the empirical distribution of Balassa index. *Reviewed of World Economics*, 137(1), 1-49.
4. Vũ Thị Thu Hương (2020). Phân tích lợi thế so sánh của nông sản Việt Nam sang thị trường EU. *Tạp chí Khoa học Thương mại*, số 145.
5. United Nations. Retrieved from: <https://comtrade.un.org/data>.
6. Minh Anh (2021). Tiềm năng xuất khẩu hàng hóa Việt Nam vẫn ở mức cao. Truy cập tại: <https://thuonghieucongluan.com.vn/tiem-nang-xuat-khau-hang-hoa-viet-nam-van-o-muc-cao-a142014.html>
7. Nguyễn Trọng Khương - Trương Thị Thu Trang (2017). Thực trạng và giải pháp thúc đẩy xuất khẩu nông sản của Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*, số 14 (342) - tháng 7.
8. Tổng cục Thống kê (2021). Xuất khẩu điện thoại và linh kiện: mặt hàng chủ lực của Việt Nam. Truy cập tại: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/03/xuat-khau-dien-thoai-va-linh-kien-mat-hang-chu-luc-cua-viet-nam>.

Ngày nhận bài: 12/3/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 2/4/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 22/4/2022

Thông tin tác giả:

1. LÊ THỊ THU GIANG¹

2. NGUYỄN THỊ QUỲNH TRÂM¹

¹Trường Đại học Thương mại

THE EXPORT COMPARATIVE ADVANTAGES OF VIETNAMESE INDUSTRIES IN THE PERIOD FROM 2015 TO 2020

● **LE THI THU GIANG¹**

● **NGUYEN THI QUYNH TRAM¹**

¹Thuongmai University

ABSTRACT:

This study identifies some industries of Vietnam which have export comparative advantages by calculating the revealed comparative advantage (RCA) and revealed symmetric comparative advantage (RSCA) indicators from 2010 to 2020 according to the Harmonized System Codes 2020 of the UN Comtrade database.

The results show that Vietnamese industries with high export advantages are not only those with traditional strengths in apparel, footwear or food, but also the electrical machinery and electronics. The study also finds out that although most of Vietnamese industries experienced lower comparative advantage indicators in 2020, comparative advantage indicators of several industries, such as HS11 and HS61, still increased significantly from medium to high export potential level. The impacts of the Covid-19 pandemic may be the explanation for these changes. The pandemic has dramatically changed the economy's comparative advantage in the short term. The study presents some recommendations about displacement and changes for industries to adapt to the production situation during the pandemic and post-pandemic periods.

Keywords: comparative advantage, revealed comparative advantage (RCA), revealed symmetric comparative advantage (RSCA), RCA Vietnam.